

DCSD Chinese Program Weekly Lesson Plan

Subject: Chinese
Teacher: Ivory Wu

Date: 4/21~4/25
Student:

This Week's Learning Plan

Lesson 13B: Chinese Class 中文课

A. Reviewing

- | | | |
|-----------------|--------------|------------|
| 1. xīng qī | 2. zhōng wén | 3. yīn yuè |
| 星 期 week | 中 文 Chinese | 音 乐 music |
| 4. kè | 5. měi shù | |
| 课 class, lesson | 美 术 art | |

B. New Vocabulary

- | | |
|-------------|------------|
| 1. yīng wén | 2. fǎ wén |
| 英 文 English | 法 文 French |
| 3. tǐ yù | |
| 体 育 P.E. | |

C. Sentence Patterns

nǐ xǐ huān shàng zhōng wén kè ma
A. 你 喜 欢 上 中 文 课 吗?

Do you like Chinese class?

wǒ xǐ huān shàng zhōng wén kè
B. 我 喜 欢 上 中 文 课。

I like Chinese class.

xīng qī èr nǐ yǒu fǎ wén kè ma

A. 星期二你有法文课吗？

Do you have French class on Tuesday?

xīng qī èr wǒ méi yǒu fǎ wén kè

B. 星期二我没有法文课。

I don't have French class on Tuesday.

D. Pronunciation Practice

kē ké kě kè